

ĐỔI MỚI SỬ DỤNG DI TÍCH KHI DẠY BÀI NỘI KHOA LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trần Thị Hải Lê* và Nguyễn Thành Nhân

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt. Di tích là nguồn sử liệu trực tiếp, mang tính nguyên gốc, chưa thông qua một lăng kính chủ quan nào. Vì vậy, chúng mang tính khách quan, chân thực nhất so với các loại tài liệu khác. Đặc biệt hiện nay, đổi mới phương pháp dạy học lịch sử phải lấy học sinh và hoạt động học làm trung tâm, tăng cường sử dụng những kinh nghiệm và tri thức của địa phương, tận dụng, khai thác nguồn học liệu tại chỗ là những di sản văn hoá gần gũi, xung quanh môi trường sống, dễ tiếp cận đối với học sinh. Cho nên, đổi mới biện pháp sử dụng di tích trong dạy học bài nội khoa lịch sử địa phương ở trường trung học phổ thông tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ giúp học sinh khai thác hiệu quả hơn một trong những nguồn sử liệu tại chỗ, quý giá để hiểu sâu sắc, toàn diện về lịch sử địa phương, giáo dục các phẩm chất, đặc biệt là ý thức và hành động gìn giữ, phát huy giá trị của di tích của quê hương.

Từ khóa: đổi mới, di tích, lịch sử địa phương, trung học phổ thông, Thừa Thiên Huế.

1. Mở đầu

Hiện nay, đổi mới dạy học lịch sử (DHLS) đang được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của khoa học giáo dục lịch sử, bắt đầu từ các nguồn sử liệu phong phú giúp học sinh (HS) tái hiện quá khứ một cách chân thực, khách quan về sự kiện, hiện tượng và nhân vật lịch sử; coi trọng sử dụng các phương tiện trực quan như hiện vật, tranh ảnh, bản đồ, biểu đồ, sa bàn, mô hình, phim tài liệu lịch sử...; mở rộng không gian dạy học (không chỉ trong lớp mà còn trên thực địa, tại di tích lịch sử, bảo tàng, khu triển lãm...); tổ chức cho HS học tập trải nghiệm, tham quan, dã ngoại, kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp với hoạt động trải nghiệm trên thực tế... Di tích lịch sử là nguồn tư liệu gốc, mang tính trực quan sinh động, phản ánh chân thực quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người, “lịch sử nén chặt trong những di tích, khác với sách vở, làm lay động lòng người bằng sức mạnh hoành tráng và tiếng nói sâu thẳm riêng của nó” [1, tr.167]. Sử dụng hiệu quả di tích trong DHLS ở trường trung học phổ thông (THPT) sẽ góp phần phát triển phẩm chất, năng lực (NL) cho HS. Định hướng đổi mới này cũng hoàn toàn phù hợp với những yêu cầu nội dung môn Lịch sử và nội dung giáo dục của địa phương ở Chương trình giáo dục phổ thông (2018).

Trong chương trình môn Lịch sử THPT, bên cạnh lịch sử dân tộc (LSDT), còn có các bài lịch sử địa phương (LSĐP) nhằm giúp HS không chỉ thấy được quy luật phát triển chung của LSTD, mà còn hiểu được nét riêng, độc đáo của lịch sử mỗi vùng, miền và đóng góp của quê hương mình trong công cuộc dựng nước, giữ nước. Từ đó, giáo dục cho các em lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá (DSVH) một cách tự nhiên, không khiên cưỡng.

Ngày nhận bài: 2/8/2021. Ngày sửa bài: 29/8/2021. Ngày nhận đăng: 10/9/2021.

Tác giả liên hệ: Trần Thị Hải Lê. Địa chỉ e-mail: hailedhsphue@gmail.com.

Tuy nhiên, di tích chỉ là “dấu vết” của quá khứ, bị hủy hoại theo thời gian và không có sẵn trong nhà trường. Việc sử dụng di tích để nhận thức quá khứ là một thách thức với giáo viên (GV) và HS. Tình hình DHLS ở các trường THPT tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy, so với các loại đồ dùng trực quan khác, GV chưa quan tâm khai thác trực tiếp, mà chủ yếu sử dụng tài liệu về di tích để minh họa cho kiến thức, nên hiệu quả mang lại không cao, làm lãng phí “tài sản quý giá” mà lịch sử đã để lại. Mặt khác, so với LSDT, LSĐP ít được đưa vào nội dung kiểm tra, đánh giá định kì nên việc dạy học còn mang tính chất đối phó, hiệu quả chưa cao.

Thời gian gần đây, đã có một số công trình nghiên cứu về nội dung của các di tích tại Thừa Thiên Huế, đề xuất một số hình thức và biện pháp dạy học LSĐP ở các trường THPT tỉnh Thừa Thiên Huế [2-6]... nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu việc sử dụng di tích trong dạy học bài nội khoá LSĐP theo hướng phát triển phẩm chất, NL của HS. Vì vậy, trên cơ sở tiếp cận tổ chức quá trình dạy học, cũng như những yêu cầu Công văn 5512 của Bộ Giáo dục & Đào tạo (12/2020), bài viết tập trung nghiên cứu đề xuất đổi mới biện pháp sử dụng di tích khi dạy bài nội khoá LSĐP ở trường THPT tỉnh Thừa Thiên Huế, góp phần đổi mới DHLS hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan niệm về di tích tại địa phương và cách phân loại di tích

2.1.1. Di tích

Di tích là một bộ phận của DSVH, là tài sản vô giá của mỗi dân tộc, một cộng đồng dân cư, xã hội. Hiện nay, có nhiều quan niệm khác nhau về di tích.

Trong tiếng Anh, di tích - monument, relic, traces, vestiges - là những dấu vết còn sót lại của quá khứ, có ý nghĩa lịch sử.

Từ điển Bách khoa Việt Nam định nghĩa: “*Di tích là các loại dấu vết của quá khứ, là đối tượng nghiên cứu của Khảo cổ học, Sử học... Di tích là DSVH – lịch sử được pháp luật bảo vệ, không ai được tùy tiện dịch chuyển, thay đổi, phá hủy*” [7, tr.667].

Công ước Di sản Thế giới (1972) xác định di tích là: “*Các công trình kiến trúc, điêu khắc hoặc hội họa hoành tráng, các yếu tố hay kết cấu có tính chất khảo cổ học, các văn bản, các hàng động và các nhóm yếu tố có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, nghệ thuật hay khoa học*” [8, tr.1].

Theo Đặng Văn Đài, một đối tượng được coi là di tích với điều kiện: *Thứ nhất*: Thê vật chất của các mặt văn hóa. *Thứ hai*: Chứa đựng kiến thức, hiểu biết, kinh nghiệm sống được tích lũy trong quá trình hoạt động của con người để có thể trở thành nguồn tư liệu đầu tiên của tri thức. *Thứ ba*: Đối tượng trực tiếp của quá trình nhận thức, cung cấp thông tin nguyên gốc. *Thứ tư*: Có quyết định công nhận về mặt pháp lí của Bộ Văn hóa - Thông tin hoặc đưa vào sổ kiểm kê của các bảo tàng để trở thành hiện vật bảo tàng [9, tr.23].

Như vậy, *di tích là những dấu vết của quá khứ, có giá trị về lịch sử, văn hoá, khoa học, thẩm mỹ, thể hiện đặc trưng của di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh*. Di tích là một bộ phận của DSVH vật thể, một phần do thiên nhiên ban tặng và quan trọng hơn được hình thành trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của các thế hệ người Việt Nam, mang bản sắc địa phương, phản ánh kí ức tập thể của mỗi địa vực hoặc cộng đồng. Đó là những bằng chứng vật chất có ý nghĩa quan trọng, giúp con người biết được cội nguồn, hiểu về truyền thống lịch sử, đặc trưng văn hoá của dân tộc mình.

2.1.2. Di tích tại địa phương

Từ điển tiếng Việt định nghĩa: “*Địa phương là những vùng, khu vực trong quan hệ với những vùng và khu vực khác trong nước/Địa phương là vùng, khu vực trong quan hệ với trung ương, với cả nước*” [10, tr.412]. Địa phương được hiểu theo hai hàm nghĩa:

Hàm nghĩa khái quát, trừu tượng: Địa phương là những vùng đất, khu vực nhất định được hình thành trong lịch sử, có ranh giới tự nhiên (không giống địa giới hành chính) để phân biệt với các vùng đất khác.

Hàm nghĩa cụ thể: Địa phương là những đơn vị chính của một quốc gia, đó là những tỉnh, thành phố, huyện, xã, thôn, bản, làng, buôn, ấp, v.v...

Tuy nhiên, cũng có ý kiến quan niệm theo cách đơn giản địa phương là tất cả những gì không phải của “*Trung ương*” hay “*Quốc gia*”.

Từ quan niệm “di tích” và “địa phương”, chúng tôi khẳng định: *Di tích tại địa phương là những dấu vết của quá khứ, có giá trị về lịch sử, văn hoá, khoa học, thẩm mỹ, thể hiện đặc trưng của di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh còn lưu lại ở một vùng đất, khu vực nhất định có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của cả dân tộc hoặc của một vùng đất, khu vực trong các thời kì lịch sử.* Di tích tại địa phương phản ánh nét riêng, độc đáo của mỗi vùng, miền, nhưng cũng là một phần của DSVH, phản ánh quá trình phát triển chung của LSĐT.

2.1.3. Cách phân loại di tích

Có nhiều cách phân loại di tích, dựa trên những căn cứ hoặc tiêu chí khác nhau:

Tác giả Đặng Văn Đài chia di tích thành 2 loại: *Di tích động sản và di tích bất động sản*: *Di tích động sản* là những di tích có thể dịch chuyển được khỏi môi trường tồn tại của nó mà giá trị văn hóa chứa đựng trong di tích đó không bị giảm sút hoặc có bị giảm sút trong chừng mực nào đó vẫn phải chấp nhận do nhu cầu bảo vệ, ví dụ các hiện vật được trưng bày trong bảo tàng. *Di tích bất động sản* là loại di tích luôn gắn liền với một địa điểm cụ thể mà trong trường hợp dịch chuyển thì giá trị văn hóa hàm chứa trong di tích bị xóa bỏ hoàn toàn hoặc suy giảm nghiêm trọng. Di tích bất động sản được trưng bày trong bảo tàng dưới dạng ảnh chụp, tranh vẽ, mô hình (sa bàn), hiện vật hoặc nhóm hiện vật thuộc di tích [9, tr.23].

Theo *Nghị định 98/2010/NĐ - CP* (2010) và *Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10382:2014 (DSVH và các vấn đề liên quan - Thuật ngữ và định nghĩa chung)* (2014), hệ thống di tích Việt Nam được phân thành 4 loại hình cơ bản là: *Di tích khảo cổ; di tích kiến trúc nghệ thuật; danh lam thắng cảnh; di tích lịch sử.*

- Di tích khảo cổ (Archaeological monument): Địa điểm lưu giữ những dấu tích, di vật phản ánh các giai đoạn phát triển của văn hóa khảo cổ có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật [11, tr.18]. **Ví dụ:** Tháp Chăm Phú Diên, Tháp đôi Liễu Cốc, Thành Lôi... (Thừa Thiên Huế).

- Di tích kiến trúc nghệ thuật (Architectural and artistic site/ monument) là công trình kiến trúc nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị, đánh dấu các giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật, đã được xếp hạng theo quy định của pháp luật [11, tr.18]. **Ví dụ:** Làng cổ Phước Tích, Cầu ngói Thanh Toàn, Đình miếu Thế Lại Thượng.... (Thừa Thiên Huế).

- Danh lam thắng cảnh (Scenic landscape) là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học [11, tr.18]. **Ví dụ:** Chùa Thiên Mụ, Lăng Tự Đức, sông Hương, núi Ngự Bình, núi Bạch Mã, nhà vườn Huế.... (Thừa Thiên Huế).

- Di tích lịch sử (Historical site/monument) là những dấu vết còn lại của một thời kì lịch sử gắn với sự kiện tiêu biểu hoặc gắn với thân thể, sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc địa phương trong các thời kì lịch sử [11, tr.18]. Nhiều di tích lịch sử có giá trị về văn hoá, phản ánh sự phát triển của văn hoá ở một giai đoạn nhất định. Cho nên, người ta gọi chung là loại hình di tích lịch sử – văn hoá. **Ví dụ:** Quần thể Di tích Cố đô Huế; Lăng mộ, nhà thờ Nguyễn Tri Phương; Phủ thờ Tôn Thất Thuyết,...

2.2. Quan niệm về đổi mới sử dụng di tích khi dạy bài nội khoá lịch sử địa phương ở trường trung học phổ thông

Sử dụng di tích là dùng chính di tích (sử dụng trực tiếp) hoặc tài liệu về di tích (sử dụng gián tiếp) trong quá trình DHLS nhằm đạt được mục tiêu bài học đã đề ra.

Theo *Đại từ điển tiếng Việt*, “*đổi mới là thay đổi hoặc làm cho thay đổi tốt hơn, tiến bộ hơn so với trước*” [12, tr.658]. *Từ điển Tiếng Việt* định nghĩa, “*đổi mới là thay đổi cho khác hẳn với trước, tiến bộ hơn, khắc phục tình trạng lạc hậu, trì trệ và đáp ứng yêu cầu của sự phát triển*” [10, tr.440]. Khái niệm đổi mới nhằm chỉ những hoạt động của con người làm thay đổi cái cũ, lạc hậu bằng cái mới tiến bộ hơn. Trong đổi mới PPDH, chúng ta không loại bỏ hoàn toàn cái cũ, cái truyền thống vẫn còn giá trị (ví như phương pháp kể chuyện lịch sử, giải thích, miêu tả, đồ dùng trực quan...). Quá trình đổi mới cần có tính kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được; Đổi mới mang tính sáng tạo; Đổi mới phải mang lại hiệu quả cao hơn (ví như thay vì kể chuyện lịch sử bằng phương pháp truyền thống, GV kết hợp hình ảnh, có sử dụng công nghệ thông tin...).

Hiện nay, DHLS ở trường THPT đang đổi mới theo hướng phát triển phẩm chất, NL HS, trong đó: “*Phẩm chất là những tính tốt thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử của con người; cùng với NL tạo nên nhân cách con người*” [13, tr.37], còn “*NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể*” [13, tr.37]. Như vậy, đổi mới sử dụng di tích khi dạy bài nội khoá LSĐP ở trường THPT phải hướng tới mục tiêu hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm), NL chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và NL lịch sử (tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kỹ năng) cho HS.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu đổi mới sử dụng di tích khi dạy bài nội khoá LSĐP ở trường THPT là quá trình sử dụng chính di tích hoặc tài liệu về di tích (trực tiếp hoặc gián tiếp) có chủ đích theo hướng phát triển phẩm chất, NL của HS (NL chung và NL lịch sử), nhằm nâng cao chất lượng bài nội khoá LSĐP theo quy định của chương trình ở trường THPT. Để đổi mới sử dụng di tích khi dạy bài nội khoá LSĐP ở trường THPT, GV cần chú ý những điểm sau:

- Xác định rõ mục tiêu, yêu cầu cần đạt khi sử dụng di tích (gắn liền với xây dựng kế hoạch bài dạy). Chỉ trên cơ sở xác định rõ mục tiêu (về năng lực, phẩm chất) thì GV mới đề xuất được biện pháp sử dụng hiệu quả.

- NL của HS chỉ có thể hình thành thông qua hoạt động học tập (trải qua các chuỗi hoạt động theo định hướng Công văn 5512 của Bộ GD&ĐT: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập và vận dụng). Khi sử dụng di tích trong dạy học, GV không phải là người cung cấp kiến thức, mà phải là người hướng dẫn, tổ chức cho HS tự tìm hiểu, nghiên cứu di tích để giải quyết các vấn đề bài học đặt ra.

- NL không chỉ là kết quả huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng, mà còn có các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... Vì thế, GV phải tạo ra được ở HS sự nhu cầu, hứng thú, động cơ tìm hiểu di tích bằng cách sử dụng các hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học hấp dẫn, sinh động.

- NL của HS thể hiện qua mức độ thành công của hoạt động. Do đó, GV cần tăng cường KT, ĐG hiệu quả việc sử dụng di tích sau mỗi hoạt động dạy học, trong đánh giá tổng kết để thu thập thông tin làm cơ sở cho việc điều chỉnh phương pháp dạy học (PPDH).

2.3. Nội dung cơ bản của bài nội khoá lịch sử địa phương ở trường trung học phổ thông tỉnh Thừa Thiên Huế

Trong chương trình hiện hành, Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế đã biên soạn “*Tài liệu giáo dục địa phương - Môn: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân (Dùng cho HS THPT tỉnh Thừa Thiên Huế)*” [2] với 4 mạch nội dung, được chia thành 4 bài: *Thừa Thiên Huế trong quốc gia phong kiến Đại Việt từ năm 1306 đến năm 1858; Thừa Thiên Huế đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và thống trị (1858 - 1918); Thừa Thiên Huế từ năm 1919 đến năm 1954; Thừa Thiên Huế từ năm 1954 đến năm 2000*:

- Thừa Thiên Huế trong quốc gia phong kiến Đại Việt từ năm 1306 đến năm 1858 (lớp 10): Trình bày quá trình Thừa Thiên Huế trở thành một bộ phận của lãnh thổ của Đại Việt; Đóng góp của Thừa Thiên Huế trong công cuộc giữ nước: Tham gia khởi nghĩa Lam Sơn ở thế kỷ XV; Kháng chiến chống Thanh thế kỷ XVIII; Đóng góp của Thừa Thiên Huế trong công cuộc dựng nước trên các lĩnh vực khai phá đất đai, phát triển công thương nghiệp, phát triển giáo dục và văn hoá.

- Thừa Thiên Huế đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và thống trị (1858 - 1918) (lớp 11): Trình bày những sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất như Thừa Thiên Huế với cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược ở Đà Nẵng, Nam Kỳ, Bắc Kỳ và công cuộc chuẩn bị chống Pháp ở địa phương; Trận chiến ở Thuận An năm 1883; Cuộc phản công của phái chủ chiến ở Kinh thành Huế năm 1885; Phong trào chống Thuế năm 1908; Cuộc vận động khởi nghĩa có sự tham gia của vua Duy Tân năm 1906, gắn liền với các nhân vật lịch sử nổi tiếng như: Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Thuyết, vua Hàm Nghi, Thái Phiên, Trần Cao Vân...

- Thừa Thiên Huế từ năm 1919 đến năm 1954 (lớp 12): Trình bày sự ra đời của Đảng bộ Thừa Thiên Huế và phong trào cách mạng từ năm 1930 đến trước Cách mạng tháng Tám 1945; Diễn biến Cách mạng tháng Tám 1945 ở Thừa Thiên Huế và những đóng góp của Thừa Thiên Huế trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954).

- Thừa Thiên Huế từ năm 1954 đến năm 2000 (lớp 12): Trình bày hoàn cảnh lịch sử và những đóng góp của Thừa Thiên Huế trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975); Công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, thực hiện đổi mới (1975 - 2000).

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, bên cạnh các môn học và hoạt động giáo dục, còn có nội dung giáo dục của địa phương. Đây là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HS những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương. Ở cấp tiểu học, nội dung giáo dục của địa phương được tích hợp với hoạt động trải nghiệm. Ở cấp trung học cơ sở và cấp THPT, nội dung giáo dục của địa phương có vị trí tương đương các môn học khác. Để thực hiện mục tiêu trên, nội dung giáo dục địa phương có thể được xây dựng theo các chủ đề hoặc theo nhóm chủ đề như: *Lịch sử hình thành và phát triển Thừa Thiên Huế; Danh nhân Thừa Thiên Huế; Di tích Thừa Thiên Huế; Lễ hội truyền thống Thừa Thiên Huế; Nghệ thuật truyền thống Thừa Thiên Huế; Ngành nghề truyền thống Thừa Thiên Huế; Chủ tịch Hồ Chí Minh với Thừa Thiên Huế, Danh lam thắng cảnh Thừa Thiên Huế*... Và sử dụng chính di tích tại địa phương như là một “nhân chứng sống” chứng minh cho quá khứ có thật, làm tăng tính thuyết phục của bài học, đồng thời giáo dục HS có trách nhiệm hơn trong việc tìm hiểu, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá của quê hương và đất nước.

2.4. Ý nghĩa của việc đổi mới sử dụng di tích khi dạy bài nội khoá lịch sử địa phương ở trường trung học phổ thông tỉnh Thừa Thiên Huế

Hệ thống di tích phong phú về số lượng, đa dạng về loại hình, độc đáo về giá trị lịch sử,

khoa học, văn hoá, giáo dục, kinh tế... không chỉ là nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội, mà đây còn thuận lợi lớn để các trường THPT tăng cường, đẩy mạnh khai thác, sử dụng trong quá trình dạy học. Vì vậy, đổi mới sử dụng di tích khi dạy bài nội khoá LSĐP ở trường THPT tỉnh Thừa Thiên góp phần bồi dưỡng và phát triển các NL, phẩm chất chủ yếu sau cho HS theo định hướng đổi mới PPDH ở bậc phổ thông:

*** Về năng lực**

Đổi mới sử dụng di tích trong dạy học bài nội khoá LSĐP cũng được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của khoa học lịch sử, từ nguồn sử liệu di tích để tái hiện quá khứ, đánh giá một cách chân thực, khách quan sự kiện, nhân vật thông qua các hoạt động học của HS, nhờ đó hình thành và phát triển các thành phần NL lịch sử cho các em theo ba mức độ từ thấp lên cao:

- *NL tìm hiểu lịch sử:* Tăng cường sử dụng DTLS tại địa phương trong DHLS giúp HS ngày càng thành thục trong việc nhận diện đặc điểm của DTLS; dễ dàng hiểu được nội dung và sử dụng kiến thức từ DTLS để *cụ thể hoá, tạo biểu tượng sinh động về các sự kiện, nhân vật trong chương trình LSĐP.*

Ví dụ: Dạy về Cách mạng tháng Tám năm 1945 tại Thừa Thiên Huế, GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu Ngô Môn, Kỳ Đài để tái hiện sự kiện 30/8/1945. Khi quan sát DTLS, cùng với nghiên cứu tài liệu, HS trình bày lại không khí của buổi lễ, hàng vạn người dân hàng ngũ chỉnh tề tập hợp trên sân cỏ trải rộng từ trước Ngọ Môn đến chân Kỳ Đài để hoan nghênh phái đoàn Chính phủ Cách mạng Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và long trọng chứng kiến buổi lễ thoái vị của vua Bảo Đại: *Hơn 5 vạn người thuộc 6 huyện Phú Vang, Phú Lộc, Hương Trà, Hương Thủy, Phong Điền, Quảng Điền cùng các tầng lớp nhân dân TP Huế tập hợp với hàng ngũ chỉnh tề trên sân cỏ trải rộng từ trước Ngọ Môn đến chân Kỳ Đài, trên tay cầm cờ đỏ sao vàng, khẩu hiệu: “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Hoan hô Mặt trận Việt Minh”, “Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muôn năm”. Trên Kỳ Đài, cờ vàng của nhà vua đã được thay bằng lá cờ nền đỏ thắm năm cánh sao vàng. Bảo Đại quần khăn vàng, mặc áo vàng, quần trắng hai tay trao cho Trần Huy Liệu, trưởng đoàn đại biểu Chính phủ chiếc quốc ấn bằng vàng nặng gần 10 kg và chiếc quốc kiếm để trong vỏ bằng vàng, nạm ngọc, giữa những tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô của quần chúng nhân dân.*

Khi GV hướng dẫn HS khai thác và sử dụng DTLS trong quá trình học tập, không chỉ giúp HS dễ dàng nhận diện được loại tư liệu này, mà quan trọng hơn các em được rèn luyện kỹ năng trình bày dưới hình thức nói hoặc viết.

- *NL nhận thức và tư duy lịch sử:* di tích ở địa phương là nguồn sử liệu gốc. Khi sử dụng, HS sẽ phải quan sát để thu thập thông tin, tái hiện lại bức tranh quá khứ sinh động, làm cơ sở để lí giải mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử, cũng như đưa ra được những ý kiến nhận xét, đánh giá về các sự kiện, nhân vật,...

Ví dụ: Để giải thích nguyên nhân năm 1883, quân Pháp quyết định đánh vào hệ thống phòng thủ của nhà Nguyễn ở cửa biển Thuận An, GV hướng dẫn HS tìm hiểu Trấn Hải thành. Trấn Hải thành (thành trấn giữ mặt biển) xây dựng bên cửa Lấp (hoặc cửa Eo), cách trung tâm thành phố Huế khoảng 13km, thuộc thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang. Tuy nhiên, trận bão năm 1904 đã đổi dời cửa biển, lấp cửa cũ, mở cửa mới cách đó chừng 3km về phía Đông. Ngày nay khi đến Trấn Hải thành, HS rất khó hình dung vị trí chiến lược quan trọng của nó. Vì thế, các em phải phát huy trí tưởng tượng, tư duy logic để tái hiện hình ảnh của Trấn Hải thành đúng vị trí địa lí của nó trong lịch sử mới có thể giải thích được vì sao khi đánh Huế, quân Pháp chọn tấn công vào Trấn Hải thành, vì sao tướng lĩnh và quân sĩ đã quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ vị trí này, vì sao mất Trấn Hải thành thì tuyến phòng thủ ở cửa biển Thuận An bị vỡ và ngay sau đó triều đình đã kí Hiệp ước Harmand (1883), Hiệp ước Patenôtre (1884) chấp nhận sự bảo hộ của thực dân Pháp...

- *NL vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học*: Đổi mới sử dụng di tích trong dạy học bài nội khoá LSĐP theo hướng phát triển phẩm chất, NL của HS không đặt trọng tâm vào việc truyền đạt kiến thức lịch sử, mà chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức lịch sử đã học để lí giải những vấn đề của cuộc sống, thực tiễn địa phương, rút ra được bài học lịch sử trên nền tảng đó, có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển NL sáng tạo, hình thành ý thức và NL tự học lịch sử suốt đời.

Ví dụ: Từ ngày 23 đến cuối tháng 5 Âm lịch hàng năm, các em đều chứng kiến cả thành phố Huế, nhất là ở Thành Nội, nhân dân bày mâm giữa trời để cúng. Nhưng không phải HS nào cũng biết nguồn gốc, ý nghĩa phong tục này. Cho nên, khi dạy nội dung “*Vụ phản công quân Pháp của phái chủ chiến ở Kinh thành Huế*” năm 1885, GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số di tích như Toà Khâm sứ Trung kỳ, Trấn Bình đài (đồn Mang Cá), nghĩa địa và chùa Ba Đồn, đàn Âm hồn, miếu Âm hồn... để tìm hiểu mối quan hệ giữa “vụ biến Kinh thành Huế” với “lễ cúng Âm hồn”, giải thích được vì sao ngày 23/5 Âm lịch hàng năm là ngày giỗ lớn, ngày “quẩy com chung”, ngày cúng Kinh đô thất thủ. Nhờ đó, các em biết thêm về một nét đặc sắc trong di sản văn hóa phi vật thể ngày nay cần lưu giữ và phát huy.

Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin từ di tích; trình bày ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử; khảo sát, trải nghiệm, thực hành lịch sử trên thực địa, di tích và văn hóa ở địa phương; vận dụng kiến thức lịch sử để giải thích các vấn đề thực tế; tìm tòi, khám phá và tự học lịch sử;... HS sẽ được hình thành và phát triển các NL chung: *NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.*

*** Về phẩm chất**

Đổi mới sử dụng di tích trong dạy học bài nội khoá LSĐP sẽ góp phần bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính; niềm tự hào về truyền thống quê hương; phát triển giá trị nhân văn, nhân ái, trung thực, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, sẵn sàng tham gia vào việc bảo vệ, gìn giữ và phát huy các giá trị DSVH, cụ thể:

- Di tích là nơi “trung bày” cụ thể, sinh động về quá khứ, truyền thống dân tộc, không chỉ giúp thế hệ trẻ có nhận thức đúng đắn về lịch sử, mà còn là phương tiện để *giáo dục tình yêu quê hương tha thiết, niềm tự hào chính đáng về nơi “chôn nhau cắt rốn”*. Chính tình yêu quê hương, làng xóm là cơ sở để hình thành lòng yêu Tổ quốc và hướng suy nghĩ của các em về đất nước ngay trên mảnh đất quê hương mà các em sinh ra, lớn lên như nhà văn Ê - ren - bua từng nói: *Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu quê hương tạo nên lòng yêu Tổ quốc.*

- Di tích còn là nơi “*ghi công đồng bào, đồng chí sống, chiến đấu, hi sinh ở Huế*” [14, tr.67] nên có ý nghĩa quan trọng trong việc *giáo dục cho HS lòng kính yêu, khâm phục và biết ơn các anh hùng dân tộc, chiến sĩ, thế hệ đi trước*, phát huy truyền thống tốt đẹp “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây” của dân tộc.

- Đặc biệt, di tích *như một cơ thể sống, mỗi ngày qua đi thì tuổi thọ cao thêm, lại phải chịu mưa nắng, bão lụt, khí hậu nóng ẩm, nấm mốc, sâu mọt hủy hoại và cả sự thiếu hiểu biết và ý thức của con người hàng ngày làm mai một, sai lệch, làm biến dạng, thậm chí hủy hoại giá trị của nó*. Từ đó, hình thành ở HS *ý thức và hành động bảo vệ di tích* để lưu giữ, phát triển tinh hoa văn hoá và truyền thống của quê hương, đất nước cho hôm nay và mai sau.

Ví dụ: Được tìm hiểu hiện vật, hình ảnh ở Khu di tích lưu niệm Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, HS hiểu hơn về cốt cách, bản lĩnh, ý chí khát vọng giành độc lập, tự do của đồng chí nói riêng và các thế hệ thanh niên Việt Nam nói chung. Đây là những xúc cảm không dễ có được nếu chỉ đọc tư liệu ghi chép, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng, tạo động lực tinh thần lớn lao, khuyến khích các em học tập để xây dựng đất nước và tỉnh Thừa Thiên Huế càng văn minh, giàu đẹp.

Có thể nói, di tích là minh chứng sinh động, gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của LSĐP. Sử dụng di tích trong là rất cần thiết và nên được tiến hành thường xuyên. Để phát

huy tối đa ưu thế của loại tài liệu gốc này, GV phải nghiên cứu, triển khai các phương pháp tích cực, kết hợp đa dạng hình thức dạy học, tạo nên sự hấp dẫn, sinh động đối với HS, nâng cao hiệu quả bài học.

2.5. Đổi mới sử dụng di tích trong dạy học bài nội khoá lịch sử địa phương ở trường trung học phổ thông tỉnh Thừa Thiên Huế

2.5.1. Sử dụng di tích để tổ chức hoạt động mở đầu/khởi động (xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập)

Thực tế cho thấy, do chưa nhận thức đầy đủ vai trò của hoạt động mở đầu trong tiến trình dạy học nên GV thường thực hiện qua loa, đại khái bằng cách tóm tắt nội dung để dẫn dắt vào bài mới. Tuy nhiên, lời nói có sinh động đến đâu thì cũng chỉ là hoạt động khởi động cho GV, HS đóng vai trò thụ động, lắng nghe, không kích thích được tư duy. Điều này đã ảnh hưởng đến hiệu quả các hoạt động còn lại.

Trong quá trình dạy học, hoạt động mở đầu có vai trò quan trọng nhằm tạo hứng thú, động cơ học tập cho HS, như Không Tử đã từng nói: *Biết mà học, không bằng thích mà học, thích mà học không bằng vui mà học*. Mặt khác, lí luận hiện đại quan niệm dạy học là một quá trình kiến tạo, GV cần hướng dẫn HS huy động kiến thức, kĩ năng làm tiền đề tiếp nhận kiến thức mới. Vì thế, mặc dù chỉ là một khâu nhỏ, nhưng đây là hoạt động mở đầu, đặt nền móng và gắn bó với các hoạt động còn lại của tiến trình dạy học, nên không thể bỏ qua. Đặc biệt đối với Lịch sử - môn học được cho là khô khan, thì việc tạo ra ở HS niềm say mê, mong muốn tìm hiểu kiến thức ngay từ đầu lại càng quan trọng. GV có thể vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực khi sử dụng di tích để tổ chức hoạt động mở đầu như:

Một là, sử dụng những di tích gần gũi, quen thuộc (GV có thể thiết kế hình ảnh liên quan đến di tích), để tạo tình huống có vấn đề, giúp các em phát hiện nhiệm vụ nhận thức trong bài mới.

Hai là, sử dụng kĩ thuật KWL giúp HS bộc lộ "cái" đã biết, nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết về mối liên hệ giữa di tích ở địa phương với nội dung bài mới, tạo ra nhu cầu tìm kiếm thông tin để giải quyết các "thách đố" mà bài học đặt ra.

Ba là, thiết kế các trò chơi, nội dung câu hỏi không chỉ kiểm tra NL tìm hiểu lịch sử, mà còn giúp HS kết nối nội dung của di tích ở địa phương với kiến thức bài mới.

Ví dụ: Trước khi dạy Bài: *Thừa Thiên Huế đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và thống trị (1858 - 1918)* (lớp 11), ở các trường THPT của huyện Phong Điền, GV có thể sử dụng kĩ thuật KWL để tổ chức hoạt động mở đầu. Đầu tiên, GV yêu cầu HS quan sát bức tranh, trả lời câu hỏi: Đây là nhà thờ của nhân vật lịch sử nào? Sau khi HS nhận diện đúng di tích, GV tiếp tục đặt các câu hỏi: Em biết gì về nhân vật lịch sử này? Nếu được tìm hiểu, em muốn biết gì thêm về nhân vật lịch sử này?



Đây là nhà thờ của nhân vật lịch sử nào?

K (những điều đã biết)	W (những điều muốn biết)	L (những điều đã học được)

Sau khi HS trả lời, GV dẫn dắt vào bài mới. Khác hẳn với thái độ lo sợ bị kiểm tra bài cũ, HS rất hứng thú với nhiệm vụ học tập. Sử dụng những di tích gần gũi đã kích thích các em tìm hiểu mối liên hệ giữa di tích với các sự kiện, hoặc nhân vật lịch sử nổi tiếng của quê hương mình. Chính hứng thú, động cơ học tập được tạo ra ở hoạt động mở đầu đã điều khiển toàn bộ tư duy tích cực của HS trong suốt giờ học.

2.5.2. Sử dụng DTLIS ở địa phương trong hoạt động giải quyết vấn đề (hình thành kiến thức mới/ thực thi nhiệm vụ)

Đề đổi mới DHLS nói chung, đổi mới sử dụng di tích ở địa phương trong hoạt động giải quyết vấn đề nói riêng, GV cần kết hợp ba loại hình hoạt động: hoạt động lĩnh hội (HS được tham gia tìm hiểu, làm chủ kiến thức), hoạt động kết nối (để phát triển các năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và hoạt động thực hành (để rèn luyện kỹ năng học tập bộ môn).

Giải quyết vấn đề (hình thành kiến thức mới /thực thi nhiệm vụ) là hoạt động chính trong tiến trình dạy học giúp HS lĩnh hội kiến thức mới trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới... Mục tiêu của bài học đạt được hay không phụ thuộc rất lớn ở bước này. Thông qua việc tham gia vào chuỗi hoạt động học, HS được tìm hiểu nguồn tài liệu phong phú về DTLIS ở địa phương để tái hiện quá khứ, nhận thức lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự phát triển của sự kiện, hoạt động của nhân vật. Từ đó, các em tìm kiếm sự thật lịch sử một cách khoa học, chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng mới và phát triển các phẩm chất, NL.

*** Sử dụng tài liệu về di tích được số hoá để tạo biểu tượng sinh động, hấp dẫn về các sự kiện, nhân vật của LSĐP**

Di tích ở địa phương là nguồn sử liệu gốc, quý giá và phương tiện trực quan hấp dẫn. Sử dụng di tích ở địa phương để tạo biểu tượng về sự kiện, nhân vật trong dạy học vừa đảm bảo tính chính xác, khách quan, vừa đảm bảo tính cụ thể, sinh động, gần gũi của bức tranh quá khứ. Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng 4.0 và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào DHLS, bên cạnh các kênh thông tin tài liệu lịch sử, tài liệu văn học, GV khai thác thế mạnh của tài liệu di tích được số hoá ở địa phương trong việc tạo biểu tượng về sự kiện, nhân vật lịch sử cho HS ở cả hai phương diện: Nguồn tư liệu gốc và phương tiện trực quan sinh động.

Ví dụ: Chiều 30/8, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị là sự kiện quan trọng, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến ở Việt Nam. GV chiếu mô hình tái hiện cảnh vua Bảo Đại thoái vị, cùng với hình ảnh Ngọ Môn, Kỳ Đài và yêu cầu HS vận dụng kỹ thuật 5W1H để tường thuật lại buổi lễ.



Trước hết, HS chỉ vào hình ảnh để giới thiệu Ngọ Môn, Kỳ Đài: Ngọ Môn là cổng chính phía Nam của Hoàng thành, được xây dựng vào năm Minh Mạng thứ 14 (1833), phía trên có lầu Ngũ Phụng. Kỳ Đài tục gọi Cột cờ, gồm hai phần: Đài cờ và cột cờ. Tổng cộng của ba tầng

đài cao khoảng 17,5m. Thời Nguyễn, trong tất cả các dịp lễ tiết, châu mừng, tuần du cho đến việc cấp báo đều có hiệu cờ. Sở dĩ buổi mít tinh được tổ chức ở đây vì Ngọ Môn, Kỳ Đài đều là biểu tượng của chế độ phong kiến Việt Nam, là nơi triều đình tổ chức nghi lễ quan trọng.

Sau đó, HS chỉ vào không gian giữa Ngọ Môn và Kỳ Đài với hình ảnh quần chúng nhân dân, vua Bảo Đại, phái đoàn Chính phủ Cách mạng Lâm thời ở mô hình để miêu tả buổi lễ: Hơn 5 vạn người thuộc 6 huyện Phú Vang, Phú Lộc, Hương Trà, Hương Thủy, Phong Điền, Quảng Điền cùng các tầng lớp nhân dân TP Huế tập hợp với hàng ngũ chỉnh tề trên sân cỏ trải rộng từ trước Ngọ Môn đến chân Kỳ Đài, trên tay cầm cờ đỏ sao vàng, khẩu hiệu: “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Hoan hô Mặt trận Việt Minh”, “Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muôn năm”. Trên Kỳ Đài, cờ vàng của nhà vua đã được thay bằng lá cờ nền đỏ thắm năm cánh sao vàng. Bảo Đại quần khăn vàng, mặc áo vàng, quần trắng hai tay trao cho Trần Huy Liệu, trưởng đoàn đại biểu Chính phủ chiếc quốc ấn bằng vàng nặng gần 10 kg và chiếc quốc kiếm để trong vỏ bằng vàng, nạm ngọc, giữa những tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô của quần chúng. Chế độ phong kiến ở Việt Nam đã sụp đổ hoàn toàn. Nhân dân Thừa Thiên Huế từ đây thực sự làm chủ cuộc sống, làm chủ quê hương.

Sử dụng những hình ảnh chân thực để tường thuật, miêu tả buổi lễ đã tạo cho HS ấn tượng sâu sắc về niềm hân hoan, vui sướng của nhân dân khi thoát khỏi thân phận nô lệ, trở thành người tự do. Điều này không chỉ có ý nghĩa về mặt nhận thức, mà còn giúp HS rút ra được ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 nói chung, sự kiện 30/8/1945 nói riêng, mà còn tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của HS. Các em cảm thấy tự hào khi một sự kiện lớn của dân tộc diễn ra trên chính quê hương mình, từ đó tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường cách mạng, liên hệ với trách nhiệm của bản thân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Rõ ràng, khả năng trình bày đa phương tiện và tương tác của các ứng dụng CNTT đã tăng cường tính trực quan sinh động của di tích ở địa phương, giúp HS dễ dàng nhận diện và khai thác nội dung kiến thức từ DTLS để tái hiện và trình bày các sự kiện, nhân vật lịch sử, góp phần phát triển NL tìm hiểu lịch sử cho các em. Tuy nhiên, GV không nên “lạm dụng”, biến giờ học thành giờ “trình diễn hình ảnh”, chỉ để minh hoạ cho kiến thức và HS đóng vai trò “khám thị” một cách say mê, nhưng không có tác dụng trong việc tiếp thu kiến thức, làm ảnh hưởng đến chất lượng của quá trình nhận thức và tư duy lịch sử sau đó.

*** Vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực hướng dẫn HS khai thác DTLS ở địa phương để tìm hiểu bản chất sự kiện, nhân vật**

Trong DHLS, nhận thức của HS đi từ tri giác tài liệu, đến tạo biểu tượng rồi phân tích, so sánh, đối chiếu... để hình thành khái niệm, nêu quy luật và rút bài học lịch sử. Tất nhiên, muốn có hoạt động đó phải kích hoạt tư duy của các em. Quá trình nhận thức và tư duy có quan hệ mật thiết với nhau, giúp HS hiểu được bản chất của sự kiện, nhân vật là con đường để khơi dậy những cảm xúc lịch sử, kích thích hứng thú học tập, phát triển phẩm chất, NL nhận thức và tư duy lịch sử, các NL chung cho HS.

PPDH lịch sử rất phong phú, bên cạnh đổi mới phương pháp truyền thống như trình bày miệng, sử dụng đồ dùng trực quan, trao đổi đàm thoại..., GV phải vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực khi hướng dẫn HS khai thác tài liệu di tích ở địa phương, nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, khai thác được tối đa tiềm năng trí tuệ của các em.

Ví dụ: Khi dạy nội dung Phong trào cách mạng từ năm 1930 đến đầu năm 1945 ở Thừa Thiên Huế, Bài: Thừa Thiên Huế từ năm 1919 đến năm 1954 (lớp 12), GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung của các di tích Toà soạn Báo Dân; Trụ sở Xứ uỷ Trung Kỳ (1938 - 1939); Viện Dân biểu Trung Kỳ; Hiệu sách Hương Giang để giúp HS cụ thể hoá sự lãnh đạo của Đảng, cũng như các cuộc đấu tranh tiêu biểu trong phong trào dân chủ 1936 - 1939. Trên cơ sở đó, GV sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn yêu cầu các nhóm thảo luận vấn đề: *Vì sao trong thời kỳ 1936 – 1939, Huế là nơi diễn ra phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ sôi nổi nhất ở Trung Kỳ?*

Thông qua hoạt động thảo luận nhóm với nhiều ý kiến phong phú, có chất lượng, HS rút ra các nguyên nhân: Cố đô Huế là Kinh đô của triều đình phong kiến nhà Nguyễn, là trung tâm đầu não của xứ Trung Kỳ bảo hộ, ở đây chủ nghĩa thực dân và phong kiến cấu kết chặt chẽ với nhau, nên mâu thuẫn dân tộc, mâu thuẫn giai cấp rất sâu sắc; Có sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy Trung Kỳ, đứng đầu là đồng chí Lê Duẩn; Trong những năm 1927 - 1938, ở Huế có khoảng 20 tờ báo cách mạng lần lượt ra đời, trở thành mũi xung kích trong những phong trào lớn, tận dụng thời cơ được hoạt động công khai, hợp pháp để động viên, giác ngộ hàng vạn quần chúng nhân dân từ thành thị đến nông thôn, góp phần xây dựng lực lượng chính trị hùng hậu cho cách mạng... Đặc biệt, qua quá trình tranh biện, HS hiểu sâu sắc hơn về sự lãnh đạo tài tình, khéo léo của Đảng trong việc đề ra sách lược phù hợp với hoàn cảnh lịch sử mới, tránh việc học rập khuôn, công thức “*nguyên nhân thắng lợi quyết định luôn là sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh*” mà không hiểu bản chất, từ đó niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng xuất hiện ở HS một cách tự nhiên, không khiên cưỡng.

2.5.3. Sử dụng DTLS ở địa phương trong hoạt động củng cố, vận dụng

Trong hoạt động củng cố, GV yêu cầu HS làm các “bài tập” cụ thể giống như “bài tập” trong bước hình thành kiến thức để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ của riêng mình. Đây là hoạt động quan trọng nhằm đánh giá mục tiêu của bài học, nhưng thường bị GV bỏ qua, hoặc thực hiện qua loa, ít có sự đầu tư về nội dung và hình thức, chưa hấp dẫn đối với HS, làm ảnh hưởng đến hiệu quả chung của bài học. GV có thể vận dụng nhiều cách sử dụng di tích để tổ chức hoạt động củng cố kiến thức, kĩ năng cho HS như: Sử dụng bài tập, câu hỏi trắc nghiệm; hướng dẫn HS lập bảng biểu, vẽ sơ đồ tư duy; tổ chức trò chơi, kĩ thuật KWL, thẻ kiểm tra, bảng trả lời ngắn....

Ví dụ: Sau khi học xong *Thừa Thiên Huế đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và thống trị (1858 - 1918)*, để củng cố kiến thức cho HS, GV nêu vấn đề: *Vì sao Nhà thờ Nguyễn Tri Phương được nhân dân vinh danh là đền thờ “Tam Công” hay đền thờ “Nhất gia tam kiệt”?* Thông qua câu trả lời của HS, GV đánh giá được mức độ lĩnh hội kiến thức của HS và hiệu quả của các phương pháp, kĩ thuật dạy học mình đã sử dụng. Hoạt động củng cố có thể thực hiện qua hoạt động cá nhân, rồi đến hoạt động nhóm để HS học tập lẫn nhau, tự sửa lỗi cho nhau, giúp quá trình học tập hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, DHLS đang thực hiện bước chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận NL, nghĩa là từ chỗ quan tâm đến việc HS học được cái gì đến chỗ quan tâm HS vận dụng được cái gì qua việc học. PPDH theo quan điểm phát triển NL không chỉ chú ý tích cực hoá HS về hoạt động trí tuệ, mà còn chú ý rèn luyện NL giải quyết vấn đề, NL tự học lịch sử suốt đời. Ngoài ra, HS nhận thức được rằng kiến thức ngoài cuộc sống rất phong phú, cần tiếp tục tìm tòi, mở rộng hiểu biết của mình.

GV có thể hướng dẫn HS vận dụng kiến thức về di tích ở địa phương vào học tập và thực tiễn cuộc sống thông qua hệ thống nhiệm vụ phong phú: Bài tập, tình huống đóng vai, hoạt động trải nghiệm để thực hiện dự án học tập...

Ví dụ: GV ra các bài tập yêu cầu HS vận dụng hiểu biết về di tích ở địa phương để giải quyết một vấn đề mới, gắn với tình huống cuộc sống như bài tập giải quyết vấn đề, bài tập liên hệ thực tiễn,... như:

- *Tại sao nhân vật lại được lập nhà thờ/đặt tên đường/đặt tên cho trường học?*
- *Khi đến di tích, HS thường sờ, ngồi trên hiện vật, viết tên mình lên di tích. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm trên, vì sao? Đề xuất một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của di tích của quê hương.*

GV có thể sử dụng phương pháp đóng vai, đặt HS trong những tình huống nhất định để thể hiện quan điểm về các vấn đề lịch sử, giúp các em hiểu sâu sắc hơn bản chất của các sự kiện, hiện tượng, giáo dục thái độ và định hướng cho hành động.

3. Kết luận

Thừa Thiên Huế là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa lâu đời và truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng vẻ vang. Nhiều sự kiện, địa danh, con người gắn với những chiến thắng vĩ đại và hào hùng trong LSĐT đã diễn ra nơi đây. Tuy đất không rộng, người không đông, nhưng trải qua bao thăng trầm, người dân xứ Huế đang lưu giữ cho thế hệ ngày nay kho tàng sử liệu đồ sộ, có giá trị từ di tích của văn hóa Chăm-pa, Quần thể Di tích Cố đô Huế, đến hệ thống DTLS cách mạng phản ánh lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, ý chí độc lập tự cường của những người con trên mảnh đất này. Cho nên, với hệ thống di tích đa dạng, phong phú, có giá trị và sự quan tâm của chính quyền, cơ quan chức năng là thuận lợi lớn để các trường THPT tỉnh Thừa Thiên Huế tăng cường, đẩy mạnh khai thác di tích vào dạy học lịch sử dân tộc và lịch sử địa phương.

Theo hướng tiếp cận tổ chức quá trình dạy học, bài viết đã đề xuất biện pháp sử dụng di tích trong từng hoạt động của tiến trình lên lớp. Đổi mới biện pháp sử dụng di tích trong bài nội khóa LSĐP làm thay đổi căn bản vai trò của GV và HS. Từ truyền thụ kiến thức, GV trở thành người tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện cho HS vừa cố gắng tự lực một cách độc lập, vừa hợp tác với nhau để tiếp cận, phát hiện và tìm tòi kiến thức mới từ hệ thống di tích xung quanh mình, từ đó phát triển các NL, phẩm chất cho HS, đặc biệt là ý thức và hành động gìn giữ, phát huy giá trị của DSVH quê hương.

***Ghi chú:** Bài báo nằm trong khuôn khổ đề tài cấp Đại học Huế: *Sử dụng di tích theo hướng phát triển năng lực trong dạy học lịch sử địa phương ở trường Trung học phổ thông tỉnh Thừa Thiên Huế*, mã số DHH2020-03-139 do Trần Thị Hải Lê làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Phủ Ngọc Tường, 1995. *Huế di tích và con người*. Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [2] Tạ Thị Thúy Anh, Vũ Đình Bảy, Lê Xuân Bản, Nguyễn Hữu Hy, Trương Công Huỳnh Kỳ..., 2011. *Tài liệu giáo dục địa phương môn Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân (Dùng cho HS THPT tỉnh Thừa Thiên Huế)*. Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Ban Chấp hành Đảng bộ Thừa Thiên Huế, 1995. *Lịch sử Đảng bộ Thừa Thiên Huế*, tập 1 (1930 - 1954). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đỗ Bang (chủ biên), 2000. *Từ điển lịch sử Thừa Thiên Huế*. Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [5] Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế, 2017. *DTLS văn hóa ở Thừa Thiên Huế*. Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [6] Hoàng Thanh Hải, 2010. Để dạy học tốt chủ đề Bác Hồ với Thanh Hóa, Thanh Hóa làm theo lời Bác trong môn Lịch sử ở các trường phổ thông địa phương, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 8, tr. 106-114.
- [7] Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, 1995. *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 1, Hà Nội.
- [8] UNESCO, 1972. Conservation Concerning the Protection of the World Cultural and Natural Heritage.
- [9] Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, 1996. Kỷ yếu Hội thảo khoa học thực tiễn - Di tích và hiện vật bảo tàng, Hà Nội.
- [10] Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê (chủ biên), 1992. *Từ điển Tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển ngôn ngữ Hà Nội – Việt Nam.
- [11] Bộ Khoa học và Công nghệ, 2014. *Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10382:2014* (Di sản văn hoá và các vấn đề liên quan - thuật ngữ và định nghĩa chung), Hà Nội.

- [12] Nguyễn Như Ý (chủ biên), 1998. *Đại từ điển tiếng Việt*. Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
[13] Bộ Giáo dục và Đào tạo 2018. *Chương trình giáo dục phổ thông (tổng thể)*, Hà Nội.

ABSTRACT

Innovative use of relics when teaching local History lessons at high schools in Thua Thien Hue province

Tran Thi Hai Le* and Nguyen Thanh Nhan

¹*Faculty of History, University of Education, Hue University*

Relics are direct, original historical sources, not through a subjective lens. Therefore, they are the most objective and true compared to other types of documents. Especially at present, innovating history teaching methods must be student-centered and learning activities, increasing the use of local experiences and knowledge, taking advantage of and exploiting local learning resources. close cultural heritages, surrounding living environment, accessible to students. Therefore, innovating the method of using relics in teaching local history lessons at high schools in Thua Thien Hue province will help students more effectively exploit one of the local and precious historical sources. value to understand deeply and comprehensively about the local history, educate the qualities, especially the sense and actions to preserve and promote the values of the homeland's relics.

Keywords: innovation, relics, local history, high school, Thua Thien Hue.